



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: 024 37684495 | Fax: 024 37684490 | Website: www.scigroup.vn

Số: 34 /2019/CBTT-SCI-TCKT

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2019

(V/v: Công bố thông tin BCTC riêng Công ty CP  
SCI Quý II năm 2019.)

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI.
2. Mã chứng khoán: S99
3. Trụ sở chính: Tầng 3 tháp C, tòa Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: (84.4) 3 768 4495 Fax: (84.4) 3 768 4490.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kế toán trưởng.
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2019 của Công ty Cổ phần SCI được ký ngày 20/07/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.scigroup.vn](http://www.scigroup.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như k/gửi.
  - Lưu P.HCNS.
- Đính kèm: BCTC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>213,019,305,793</b>	<b>239,064,561,194</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3,498,712,935</b>	<b>8,953,336,873</b>
1. Tiền	111		3,498,712,935	8,953,336,873
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>33,033,723,800</b>	<b>35,557,642,100</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		41,247,057,814	47,864,249,391
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8,213,334,014)	(12,306,607,291)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>172,598,613,746</b>	<b>190,610,504,011</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	157,707,063,879	150,007,537,791
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,390,243,923	4,832,346,342
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	31,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	33,089,513,059	28,358,826,993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23,588,207,115)	(23,588,207,115)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3,576,490,350</b>	<b>3,575,490,350</b>
1. Hàng tồn kho	141		3,576,490,350	3,575,490,350
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>311,764,962</b>	<b>367,587,860</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	57,357,465	36,224,517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		215,372,536	331,363,343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	39,034,961	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>404,471,918,259</b>	<b>454,088,284,822</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>220,000,000</b>	<b>220,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	220,000,000	220,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,355,833,658</b>	<b>10,017,954,614</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	9,274,583,712	9,933,579,667
- Nguyên giá	222		34,506,710,791	38,842,034,791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,232,127,079)	(28,908,455,124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	81,249,946	84,374,947
- Nguyên giá	228		342,500,000	342,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(261,250,054)	(258,125,053)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2,521,372,728</b>	<b>2,360,144,546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,521,372,728	2,360,144,546
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>392,326,361,159</b>	<b>441,349,647,755</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		292,586,076,215	222,616,076,215
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60,550,000,000	60,550,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		39,190,284,944	158,183,571,540
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48,350,714</b>	<b>140,537,907</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	48,350,714	140,537,907
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>617,491,224,052</b>	<b>693,152,846,016</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119,605,603,430</b>	<b>205,196,304,569</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119,548,788,430</b>	<b>204,344,489,569</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	106,765,514,727	96,236,350,821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		482,625,013	492,625,013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3,059,646,760	3,612,950,196
4. Phải trả người lao động	314		220,000,000	595,399,328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7,171,000	7,171,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	5,826,166,090	99,409,928,371
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	2,389,000,000	3,188,000,000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		798,664,840	802,064,840
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56,815,000</b>	<b>851,815,000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	56,815,000	56,815,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	795,000,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>497,885,620,622</b>	<b>487,956,541,447</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>497,885,620,622</b>	<b>487,956,541,447</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		407,907,140,000	407,907,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407,907,140,000	407,907,140,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982,166,000	982,166,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,192,087,059	8,192,087,059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80,804,227,563	70,875,148,388
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		70,875,148,388	53,429,270,306
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9,929,079,175	17,445,878,082
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>617,491,224,052</b>	<b>693,152,846,016</b>

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



*Handwritten signature*

Lê Thị Lan  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND		
			Quý II-Năm 2019 VND	Lũy kế hết Quý II-Năm 2019 VND	Lũy kế hết Quý II-Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	43,171,773,171	24,796,321,787	124,211,381,732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		43,171,773,171	24,796,321,787	124,211,381,732
4. Giá vốn hàng bán	11	21	38,565,579,468	20,676,976,480	113,399,494,878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4,606,193,703	4,119,345,307	10,811,886,854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6,653,318,173	9,203,495,981	7,084,516,749
7. Chi phí tài chính	22	23	5,122,552,933	1,321,022,953	2,445,699,465
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		173,755,200	4,851,890,472	173,755,200
8. Chi phí bán hàng	25	24	1,506,076,287	7,190,098,383	2,633,596,691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		-	-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4,630,882,656	4,811,719,952	12,817,107,447
11. Thu nhập khác	31	25	91,937,481	83,379,657	1,544,221,398
12. Chi phí khác	32	26	91,937,483	133,347,366	1,409,979,876
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2)	(49,967,709)	134,241,522
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4,630,882,654	4,761,752,243	12,951,348,969
					(92,998,907)
					14,669,422,824



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

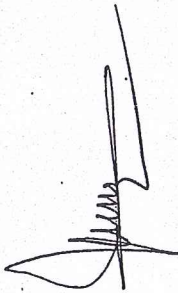
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	926,176,531	952,350,449	2,590,269,794	1,981,534,116
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3,704,706,123	3,809,401,794	10,361,079,175	12,687,888,708



Lê Thị Lan  
Người lập



Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12,951,348,969	14,669,422,824
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		662,120,956	1,595,692,817
- Các khoản dự phòng	03		(4,093,273,277)	6,315,814,657
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,000,989,711)	(8,942,317,009)
- Chi phí lãi vay	06		173,755,200	4,851,890,472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,692,962,137	18,490,503,761
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19,793,865,000)	(14,417,867,623)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,000,000)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(67,004,722,094)	(440,287,677)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		71,054,245	375,006,145
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		6,617,191,577	57,831,669,178
- Tiền lãi vay đã trả	14		(173,755,200)	(316,266,861)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,277,763,045)	(13,110,646,692)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		10,669,514,206	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(67,200,383,174)	48,412,110,231
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(161,228,182)	(254,545,455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(168,231,879,840)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(69,970,000,000)	120,000,000,000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		118,993,286,596	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,883,700,822	3,329,317,009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		61,745,759,236	(45,157,108,286)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đã năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34			(1,594,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	<i>(1,594,000,000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(5,454,623,938)	1,661,001,945
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8,953,336,873	9,194,884,940
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>3,498,712,935</u>	<u>10,855,886,885</u>

Lê Thị Lan  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 407.907.140.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 407.907.140.000 đồng; tương đương 40.790.714 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

## 2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

#### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### Phần mềm máy tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

#### Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	276,727,929	1,917,854,171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,221,985,006	7,035,482,702
Tiền đang chuyển	-	-
	<u><u>3,498,712,935</u></u>	<u><u>8,953,336,873</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MÃU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư dài hạn	39,190,284,944	39,190,284,944	158,183,571,540	158,183,571,540
Trái phiếu	39,190,284,944	39,190,284,944	158,183,571,540	158,183,571,540
	<b>39,190,284,944</b>	<b>39,190,284,944</b>	<b>158,183,571,540</b>	<b>158,183,571,540</b>

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	41,247,057,814	33,810,878,400	47,864,249,391	35,557,642,100
GEX	31,724,799,245	29,084,000,000	38,346,878,822	30,013,250,000
PCT	-	-	-	-
SDA	7,410,000,000	2,426,664,800	7,410,000,000	4,419,996,600
VTX	1,475,610,000	2,252,764,600	1,475,610,000	1,072,276,600
Cổ phiếu khác	636,648,569	47,449,000	631,760,569	52,118,900
	<b>41,247,057,814</b>	<b>33,810,878,400</b>	<b>47,864,249,391</b>	<b>35,557,642,100</b>
				<b>(12,306,607,291)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	292,586,076,215	292,586,076,215	222,616,076,215	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	71,366,250,000	71,366,250,000	71,366,250,000	-
Công ty TNHH SCINGhệ An	118,749,826,215	118,749,826,215	118,749,826,215	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	95,970,000,000	95,970,000,000	26,000,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	60,550,000,000	60,550,000,000	60,550,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550,000,000	550,000,000	550,000,000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	-
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	-
	<b>353,136,076,215</b>	<b>353,136,076,215</b>	<b>283,166,076,215</b>	<b>283,166,076,215</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty cổ phần SCI E&C	11,542,063,041	17,387,318,817
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	109,656,575,261	96,936,151,346
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16,845,809,348	16,845,809,348
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4,858,120,349	4,639,786,809
Các khoản phải thu khách hàng khác	14,804,495,880	14,198,471,471
	<u><u>157,707,063,879</u></u>	<u><u>150,007,537,791</u></u>

**8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam (1)	-	21,000,000,000
Công ty CP Đầu tư nước sạch và môi trường ECO&MORE (2)		10,000,000,000
	<u><u>-</u></u>	<u><u>31,000,000,000</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	6,882,711,111	-
Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán	-	-	-	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6,451,250	-	6,451,250	-
Tạm ứng	4,132,187,896	-	4,105,110,240	-
Ký cược, ký quỹ	16,000,000	-	16,000,000	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	-	-	1,651,087,692	-
Phải thu khác	28,934,873,913	-	15,697,466,700	-
	<b>33,089,513,059</b>	<b>-</b>	<b>28,358,826,993</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	220,000,000	-	220,000,000	-
	<b>220,000,000</b>	<b>-</b>	<b>220,000,000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tại, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	19,963,241,095	18,781,616,423	97,177,273	38,842,034,791
Mua sắm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,335,324,000)	-	(4,335,324,000)
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>19,963,241,095</b>	<b>14,446,292,423</b>	<b>97,177,273</b>	<b>34,506,710,791</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	14,283,134,890	14,528,142,961	97,177,273	28,908,455,124
Trích khấu hao	329,497,978	329,497,978	-	658,995,955
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,335,324,000)	-	(4,335,324,000)
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>14,612,632,868</b>	<b>10,522,316,939</b>	<b>97,177,273</b>	<b>25,232,127,079</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	5,680,106,205	4,253,473,462	-	9,933,579,667
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>5,350,608,228</b>	<b>3,923,975,485</b>	<b>-</b>	<b>9,274,583,712</b>

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2019	250,000,000	92,500,000	342,500,000
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>250,000,000</b>	<b>92,500,000</b>	<b>342,500,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2019	165,625,053	92,500,000	258,125,053
Trích khấu hao	3,125,001	-	3,125,001
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>168,750,054</b>	<b>92,500,000</b>	<b>261,250,054</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2019	84,374,947	-	84,374,947
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>81,249,946</b>	<b>-</b>	<b>81,249,946</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) <b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	57,357,465	36,224,517
	<u><u>57,357,465</u></u>	<u><u>36,224,517</u></u>
b) <b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn	36,837,169	36,837,169
Chi phí trả trước dài hạn khác	11,513,545	103,700,738
	<u><u>48,350,714</u></u>	<u><u>140,537,907</u></u>

**14 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần SCI E&C	89,451,432,511	89,451,432,511	78,771,973,362	78,771,973,362
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1,799,977,367	1,799,977,367	2,012,608,872	2,012,608,872
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	-	-		
Các khoản phải trả khác	15,514,104,849	15,514,104,849	15,451,768,587	15,451,768,587
	<u><u>106,765,514,727</u></u>	<u><u>106,765,514,727</u></u>	<u><u>96,236,350,821</u></u>	<u><u>96,236,350,821</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	207,307,140	220,256,900
Bảo hiểm xã hội	8,903,990	9,904,750
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	154,003,808	130,474,788
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	92,610,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,455,951,152	6,439,291,933
	<u><u>5,826,166,090</u></u>	<u><u>99,409,928,371</u></u>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56,815,000	56,815,000
	<u><u>56,815,000</u></u>	<u><u>56,815,000</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		30/06/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3,188,000,000	3,188,000,000	-	799,000,000	2,389,000,000	3,188,000,000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3,188,000,000	3,188,000,000	-	799,000,000	2,389,000,000	3,188,000,000
- Trái phiếu thường	-	-	-	-	-	-
	<u>3,188,000,000</u>	<u>3,188,000,000</u>	<u>-</u>	<u>799,000,000</u>	<u>2,389,000,000</u>	<u>3,188,000,000</u>
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	795,000,000	795,000,000	-	795,000,000	-	-
	<u>795,000,000</u>	<u>795,000,000</u>	<u>-</u>	<u>795,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>795,000,000</u>	<u>795,000,000</u>	<u>-</u>	<u>795,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

<u>STT</u>	<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Dư nợ tại ngày</u>	<u>Phương thức đảm</u>
						30/06/2019	bảo tiền vay
						VND	VND
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	12,750,000,000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	-	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HĐTĐ.DAH ngày 19/02/2016						



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2018</b>										
Tại ngày 01/01/2018	388,491,390,000	982,166,000	8,192,087,059	73,058,020,306	470,723,663,365	-	-	17,940,878,082	487,956,541,447	
Tăng vốn trong năm trước	19,415,750,000	-	-	(19,415,750,000)	-	-	-	17,940,878,082	17,940,878,082	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	(708,000,000)	-	-	-	(708,000,000)	(708,000,000)	
Tạm ứng tiền thù lao BKS	-	-	-	70,875,148,388	-	-	-	70,875,148,388	487,956,541,447	
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>407,907,140,000</b>	<b>982,166,000</b>	<b>8,192,087,059</b>	<b>70,875,148,388</b>	<b>487,956,541,447</b>					
<b>Quý II-Năm 2019</b>										
Tại ngày 01/01/2019	407,907,140,000	982,166,000	8,192,087,059	70,875,148,388	487,956,541,447					
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	10,361,079,175	10,361,079,175				10,361,079,175	
Tạm ứng tiền thù lao BKS và HĐQT	-	-	-	(432,000,000)	(432,000,000)				(432,000,000)	
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>407,907,140,000</b>	<b>982,166,000</b>	<b>8,192,087,059</b>	<b>80,804,227,563</b>	<b>497,885,620,622</b>					

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2019		01/01/2019		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Vốn góp của các cổ đông	407,907,140,000	100.00%	407,907,140,000	100.00%	100.00%
	<b>407,907,140,000</b>	<b>100%</b>	<b>407,907,140,000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý II-Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	407,907,140,000	407,907,140,000
- Vốn góp đầu năm	407,907,140,000	388,491,390,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		19,415,750,000
- Vốn góp cuối kỳ	407,907,140,000	407,907,140,000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40,790,714	40,790,714
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40,790,714	40,790,714
- Cổ phiếu phổ thông	40,790,714	40,790,714
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8,192,087,059	8,192,087,059
	<b>8,192,087,059</b>	<b>8,192,087,059</b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,674,729,909	3,864,314,807
Doanh thu hợp đồng xây dựng	121,536,651,823	43,679,502,684
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	121,536,651,823	43,679,502,684
	<b>124,211,381,732</b>	<b>47,543,817,491</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,128,016,634	1,301,373,410
Giá vốn hoạt động xây dựng	112,271,478,244	39,335,188,109
	<b>113,399,494,878</b>	<b>40,636,561,519</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6,000,989,711	8,612,317,009
Lãi bán các khoản đầu tư	1,083,527,038	18,016,185,472
	<b>7,084,516,749</b>	<b>26,628,502,481</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	173,755,200	4,851,890,472
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3,475,804,577	3,450,000,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4,093,273,277)	887,787,492
Chi phí tài chính khác	2,889,412,965	527,801,042
	<b>2,445,699,465</b>	<b>9,717,479,006</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199,106,186	340,519,852
Chi phí nhân công	1,189,817,104	1,537,804,922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55,081,440	536,412,486
Thuế, phí, lệ phí	38,895,050	58,662,557
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	5,428,027,165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337,069,791	621,632,191
Chi phí khác bằng tiền	813,627,120	532,798,543
	<b>2,633,596,691</b>	<b>9,055,857,716</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		-
Cho thuê văn phòng và tiền điện		-
Thu nhập khác	1,544,221,398	1,182,692,459
	<b>1,544,221,398</b>	<b>1,182,692,459</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt		
Cho thuê văn phòng và tiền điện		
Chi phí khác	1,409,979,876	1,275,691,366
	<b>1,409,979,876</b>	<b>1,275,691,366</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

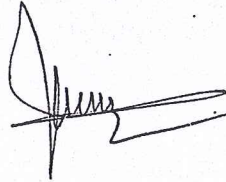
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



Lê Thị Lan  
Người lập



Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

